

# NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

LÊ THỊ LỆ

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: lethiledhvhvhttdl@gmail.com

## 1. Tiềm năng khoáng sản của tỉnh Thanh Hóa

Thanh Hóa là địa phương có tiềm năng khoáng sản khá phong phú và đa dạng, bao gồm các loại quặng sắt, đồng, secpentin, barit, các loại đá xây dựng (spilit, silic, ryolit, bazan,...), các loại đất san lấp, đất sét, cát, sỏi,...

Theo số liệu thăm dò khi tiến hành các dự án khai thác mỏ, Thanh Hóa có các loại khoáng sản chủ yếu sau: đá vôi, có tổng trữ lượng khai thác là 119.877 nghìn m<sup>3</sup>; cát, sỏi có tổng trữ lượng khai thác 6.451 nghìn m<sup>3</sup>; đất san lấp, có tổng trữ lượng khai thác 1.650 nghìn m<sup>3</sup>; các loại đá xây dựng (spilit, silic, ryolit, bazan,...), có tổng trữ lượng khai thác 5.840 nghìn m<sup>3</sup>; đất sét có tổng trữ lượng khai thác 1.974 nghìn m<sup>3</sup>; quặng sắt, có tổng trữ lượng 56.430 tấn; quặng đồng, có tổng trữ lượng 1.144 tấn,... [2].

## 2. Thực trạng quản lý khoáng sản của tỉnh Thanh Hóa

### 2.1. Số lượng mỏ

Đến hết năm 2018, tỉnh Thanh Hóa có 327 số doanh nghiệp khai thác mỏ được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (UBND tỉnh Thanh Hóa cấp 312 giấy, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp 15 giấy), trong đó có 188 doanh nghiệp khai thác đá vôi; 22 doanh nghiệp khai thác cát; 22 doanh nghiệp khai thác đất san lấp; 12 doanh nghiệp khai thác đá spilit, silic, ryolit, bazan; 05 doanh nghiệp khai thác đất sét; 04 doanh nghiệp khai thác quặng sắt và quặng đồng; 02 doanh nghiệp khai thác secpentin; 01 doanh nghiệp khai thác quặng barite; 06 doanh nghiệp khai thác crômít và 60 doanh nghiệp khai thác đá cát kết, sét kết và một số mỏ khoáng sản khác. Thông tin của các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được tổng hợp trong Bảng 1 [3].

### 2.2. Công tác quản lý khoáng sản

#### 2.2.1. Ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền

phổ biến pháp luật về khoáng sản

#### a. Các văn bản quản lý

Trong thời gian qua, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành một số văn bản liên quan đến việc phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và các văn bản chỉ đạo, điều hành các vấn đề khác có liên quan đến hoạt động khoáng sản trên địa bàn.

#### b. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan báo, đài của tỉnh triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nâng cao ý thức về bảo vệ tài nguyên, môi trường đối với người dân và doanh nghiệp; đã tổ chức 5 lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN về tài nguyên và môi trường và 5 lớp tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường cho gần 2000 lượt cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

#### 2.2.2. Phê duyệt quy hoạch khoáng sản

➤ Về quy hoạch cát sỏi lòng sông: đã phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

➤ Về quy hoạch đất sét làm gạch, ngói: đã phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói nung tuynel tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.

➤ Về quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng: đã phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

➤ Về quy hoạch đá làm vật liệu xây dựng: đã phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.



Bảng 1. Tổng hợp các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

| No | Loại khoáng sản                  | Số DNKT | Vị trí mỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Diện tích, ha | Thời hạn GP, năm | Trữ lượng khai thác, $10^3 m^3$                                                                                                                                                                            | Công suất, $10^3 m^3/năm$ |
|----|----------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1  | Đá vôi                           | 188     | Yên Định (35); Tĩnh Gia (20); Hà Trung (20); Đông Sơn, TP Thanh Hóa (17); Ngọc Lặc (14); Cẩm Thủy (12); Vĩnh Lộc (12); Như Xuân (10); Nông Cống (08); Như Thanh (05); Bỉm Sơn (04); Quan Sơn (04); Quan Hóa (04); Nga Sơn (03); Bá Thước (03); Triệu Sơn (03); Quan Hóa (02); Mường Lát (02); Lang Chánh (02) |               | 10÷30            | Tĩnh Gia (32.371); Yên Định (18.270); Bỉm Sơn (12.646); Đông Sơn, TP Thanh Hóa (9823); Ngọc Lặc (6836); Hà Trung (7555); Vĩnh Lộc (6295); Quan Sơn (5040); Cẩm Thủy (4787); Như Xuân (4299); Khác (12.000) | 10÷450                    |
| 2  | Đất sét                          | 05      | Yên Định (02); Bỉm Sơn (02); Hà Trung (02); Ngọc Lặc (01); Tĩnh Gia (01); Quan Sơn (01); Vĩnh Lộc (01); Thọ Xuân (01)                                                                                                                                                                                         |               | 15÷25            | 1974                                                                                                                                                                                                       | 2,2÷12                    |
| 3  | Đất san lấp                      | 22      | Tĩnh Gia (04); Bỉm Sơn (07); Thạch Thành (07); Hà Trung (02); Vĩnh Lộc (02).                                                                                                                                                                                                                                  |               | 02÷30            | 1650                                                                                                                                                                                                       | 20÷700                    |
| 4  | Đá spilit, silic, rhyolit, bazan | 12      | Hà Trung (04); Vĩnh Lộc (01); Thường Xuân (05); Ngọc Lặc (01)                                                                                                                                                                                                                                                 |               | 10÷15            | 5840                                                                                                                                                                                                       | 9÷40                      |
| 5  | Đá cát kết, sét kết              | 06      | Ngọc Lặc                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |               |                  |                                                                                                                                                                                                            |                           |
| 6  | Serpentin                        | 02      | Tế Lợi - Nông Cống                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 42            | 30               |                                                                                                                                                                                                            |                           |
| 7  | Sét                              | 02      | Bỉm Sơn                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 62,25         | 25               |                                                                                                                                                                                                            |                           |
| 8  | Quặng barite                     | 01      | Bãi Trành, Như Xuân                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8,05          |                  |                                                                                                                                                                                                            |                           |
| 9  | Quặng sắt, đồng                  | 04      | Như Thanh, Ngọc Lặc, Lang Chánh                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4,2           | 4,5              | Đồng kim loại: 1.144 tấn, quặng sắt: 56.430 tấn                                                                                                                                                            |                           |
| 10 | Crômít                           | 06      | Triệu Sơn, Như Thanh                                                                                                                                                                                                                                                                                          |               |                  |                                                                                                                                                                                                            |                           |
| 11 | Đá sét                           | 03      | Công ty xi măng Nghi Sơn-Tĩnh Gia, Cty CP xi măng Công Thanh                                                                                                                                                                                                                                                  | 470           | 30               |                                                                                                                                                                                                            |                           |
| 12 | Cát, sỏi                         | 22      | Yên Định, Thọ Xuân, TP Thanh Hóa, Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy                                                                                                                                                                                                                                                          |               | 3-4              | 6451                                                                                                                                                                                                       | 80÷116                    |

Ghi chú: Số DNKT - Số doanh nghiệp khai thác

➤ Về quy hoạch đất đắp đê: đã phê duyệt Quy hoạch các mỏ đất làm vật liệu đắp đê tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2.2.3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản  
a. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt

động khoáng sản

➤ Về công tác tiếp nhận hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản: đã công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.



➤ Về công tác thẩm định hồ sơ: đã công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; hồ sơ được thẩm định đầy đủ theo quy định bao gồm công tác kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực địa.

*b. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản*

UBND tỉnh Thanh Hóa đã và đang tổ chức thực hiện việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

**2.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản**

➤ Đã kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát trên địa bàn tỉnh đối với 24 mỏ cát và 61 bãi tập kết kinh doanh cát của các doanh nghiệp; kiểm tra tình hình hoạt động khai thác đất trái phép; kiểm tra, rà soát các dự án khai thác, chế biến khoáng sản không hiệu quả,...

➤ Phối hợp với các ngành, địa phương kiểm tra 55 mỏ của 52 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Đoàn thanh tra Tổng cục Địa chất và Khoáng sản tiến hành thanh tra hoạt động khai thác khoáng sản đối với 08 đơn vị tại các huyện Yên Định và thị xã Bỉm Sơn; phối hợp với Thanh tra Sở tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn theo kế hoạch thanh tra năm 2018.

**2.2.5. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác**  
Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa các ngành, địa phương liên quan trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh và kế hoạch bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác được thực hiện theo Luật Khoáng sản năm 2010.

### **2.3 Một số kết quả đã đạt được**

Trong thời gian qua, Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Thanh Hóa đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương thực hiện đúng các quy định ban hành trong Luật khoáng sản. Việc cấp phép hoạt động khoáng sản đã từng bước giảm bớt được cơ chế xin-cho thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thời hạn cấp phép dài hơn (cấp theo dự án, có thời gian không quá 30 năm), tạo điều kiện cho các đơn vị yêu tâm đầu tư sản xuất lâu dài. Công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản được triển khai thực hiện đạt được hiệu quả tốt. Trong đó, quy hoạch định hướng phát triển 7 nhóm VLXD trên địa bàn tỉnh là vật liệu xây (gạch nung, gạch không nung), vật liệu lợp (nung và không nung), đá xây dựng, cát xây dựng (cát tự nhiên, cát nghiền), bê

tông (cấu kiện và thương phẩm), vôi công nghiệp, tấm thạch cao. Đồng thời, quy hoạch cũng đã định hướng cụ thể để quản lý, kêu gọi đầu tư cho từng loại vật liệu này bảo đảm phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, Sở Xây dựng đã kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh rà soát, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh. Trong đó, đã quy hoạch 168 mỏ đá trên địa bàn 23 huyện, thị xã, thành phố, tổng trữ lượng khoảng 600 triệu m<sup>3</sup>, trữ lượng dự trữ khoảng 216 triệu m<sup>3</sup>; quy hoạch 53 mỏ đất sét sản xuất gạch trên địa bàn 16 huyện, thị xã, thành phố, tổng trữ lượng khoảng 23 triệu m<sup>3</sup>. Các mỏ quy hoạch này đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu cho các nhà máy gạch tuynel ổn định sản xuất có thời hạn để các nhà đầu tư nghiên cứu chuyển đổi sang công nghệ sản xuất đất sét đòi hoặc sản xuất gạch không nung. Quy hoạch 112 mỏ cát và 122 bãi tập kết cát trên địa bàn 20 huyện, thị xã, thành phố; với trữ lượng khoảng 14 triệu m<sup>3</sup>, đáp ứng đủ cho nhu cầu các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 [4].

### **2.4. Một số vấn đề đặt ra trong quản lý khoáng sản của tỉnh Thanh Hóa**

➤ Vấn đề đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản chưa được các đơn vị chú trọng, vì vậy trong các năm qua vẫn đề xảy ra các vụ tai nạn lao động và gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là hoạt động khai thác cát. Một số chủ mỏ khi giấy phép khai thác hết hạn nhưng chưa làm thủ tục đóng cửa mỏ. Nhiều mỏ hết hạn nhưng chưa có biện pháp xử lý tầng và bờ mỏ, gây mất an toàn.

➤ Trong quá trình sản xuất, một số dự án khai thác chế biến khoáng sản kim loại tiến độ thực hiện chậm, vẫn còn sử dụng công nghệ lạc hậu; do đó tỷ lệ thu hồi khoáng sản thực tế còn thấp.

➤ Nhiều doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa khai thác chưa đúng thiết kế (99 mỏ, chiếm 28,86 %); việc khai thác quá độ sâu gây khó khăn cho công tác hoàn thổ và phục hồi môi trường.

➤ Đối với việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản không phải là vật liệu xây dựng thông thường, việc khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản còn chậm. Các mỏ đất làm vật liệu san lấp có tận thu khoáng sản đi kèm, các mỏ khoáng sản phân tán nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao cho tỉnh quản lý, cấp phép nhưng hiện nay vẫn chưa được lập quy hoạch.



➢ Vẫn còn nhiều doanh nghiệp khai thác mỏ bỏ nhiệm vụ Giám đốc điều hành mỏ chưa đúng về trình độ chuyên môn (98 mỏ, chiếm 28,57 %).

Tình trạng khai thác, tập kết kinh doanh cát trái phép trên địa bàn một số huyện diễn biến phức tạp, việc khai thác cát chưa cấm mốc, thả phao hoặc thả phao chưa đúng quy định tại các điểm góc để xác định cụ thể ranh giới mỏ được cấp vẫn còn xảy ra.

➢ Nợ thuế của các doanh nghiệp trong lĩnh vực khoáng sản còn lớn (697.330 triệu đồng, chiếm 18,7 % tổng thu); có doanh nghiệp nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến nay chưa thu được; nhiều đơn vị nợ đọng lớn, kéo dài.

### 3. Một số kiến nghị trong công tác quản lý khoáng sản

#### 3.1. Về cấp phép khai thác các mỏ đất

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 53 Luật Khoáng sản, sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, các mỏ phải được thẩm dò, phê duyệt trữ lượng phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch mới đủ điều kiện để cấp phép khai thác. Tuy nhiên, đối với các mỏ đất thường phát sinh nhu cầu khi có công trình, đặc biệt là công trình trọng điểm quốc gia, cần phải hoàn thành trong thời gian ngắn. Do đó, việc thẩm dò, đánh giá trữ lượng sẽ ảnh hưởng đến tiến độ thi công các dự án. Vì vậy, cần phải xem xét, sửa đổi Luật Khoáng sản để phù hợp với tình hình thực tế.

#### 3.2. Về đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Theo Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành luật thì không quy định khu vực đấu giá phải là mặt bằng sạch. Theo Điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong trường hợp: Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản” [1].

Theo quy định trên, các dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh, việc bồi thường GPMB theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và Chủ sử dụng đất, Nhà nước không tổ chức đền bù GPMB và thu hồi đất. Như vậy, khi tổ chức đấu giá xong, đơn vị trúng đấu giá mới triển khai công tác bồi thường, GPMB. Trường hợp đơn vị không thỏa thuận được để GPMB thì dự án không triển khai được dẫn đến nhiều hệ lụy sau đấu giá.

Vì vậy, cần xem xét, sửa lại Điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 như sau: “Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản nhưng không qua hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản”.

#### 3.3. Về thủ tục “Đóng cửa mỏ”

Theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ thì phải thành lập Hội đồng thẩm định Đề án Đóng cửa mỏ. Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Tuy nhiên, đến nay Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ nên chưa có cơ sở để thu phí thẩm định và chưa có kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ gây khó khăn cho quá trình thực hiện. Do đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần sớm có văn bản quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ để làm cơ sở thực hiện.

#### 3.4. Đối với các thủ tục, hồ sơ để được cấp phép khai thác khoáng sản

##### 3.4.1. Về thành phần hồ sơ xác định vốn chủ sở hữu trong cấp phép khai thác khoáng sản

Trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 59 Luật Khoáng sản và Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản có cả Quyết định chủ trương đầu tư và các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu là không cần thiết vì trong thành phần hồ sơ xin Quyết định chủ trương đầu tư đã có: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư, và được Sở, Ban, Ngành liên quan thẩm định trước khi trình UBND tỉnh ban hành Quyết định chủ trương đầu tư. Do đó, cần xem xét bỏ thành phần: các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu.

##### 3.4.2. Về “Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với khai thác khoáng sản”

Theo quy định về thành phần hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản được quy định tại Điều 59 Luật Khoáng sản và Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ



không có phương cải tạo phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có quy định các dự án khai thác khoáng sản phải lập phương án cải tạo phục hồi môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, cần xem xét, điều chỉnh Nghị định số 19/2015 cho phù hợp với Luật Khoáng sản năm 2010 theo hướng bỏ phương cải tạo phục hồi môi trường.

### **3.5. Các quy định liên quan đến thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản**

**3.5.1. Tại khoản 2, Điều 54 Luật Khoáng sản quy định:** trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn khai thác là thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước đó. Theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 37, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (sau đây gọi tắt là Nghị định 158): tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 90 ngày. Tại khoản 3, Điều 38, Nghị định số 158/2016 quy định: thời hạn giải quyết hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản tối đa là 45 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản tiếp nhận. Như vậy, có trường hợp sau khi nhận chuyển nhượng xong, tổ chức, cá nhân nhận giấy phép khai thác khoáng sản chỉ còn thời hạn khai thác khoáng 45 ngày. Với thời gian như vậy không đủ để triển khai thực hiện Giấy phép và cũng không còn thời gian để lập hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 38, Nghị định số 158/2016. Vì vậy, cần có quy định cụ thể trong Nghị định số 158/2016 về điều kiện chuyển nhượng, trong đó có nội dung: giấy phép phải còn thời hạn từ 180 ngày trở lên thì mới được chuyển nhượng.

**3.5.2. Theo quy định tại khoản 2, Điều 54 Luật Khoáng sản:** trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn khai thác là thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước đó. Tuy nhiên, Luật và văn bản dưới Luật không quy định cụ thể trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng được tiếp tục kế thừa thực hiện các nội dung như: Dự án đầu tư, Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định, phê duyệt theo Giấy phép khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng. Do đó, cần phải làm rõ vấn đề này trong Nghị định 158 sẽ giảm nhiều thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trong việc

thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

### **4. Kết luận**

Thanh Hóa là tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng và phong phú, là động lực quan trọng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Tuy nhiên, để khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên hợp lý, hiệu quả và bảo vệ môi trường thiên nhiên thì công tác quản lý khoáng sản là rất quan trọng. Bài báo đánh giá tiềm năng khoáng sản, nghiên cứu thực trạng công tác quản lý khoáng sản của tỉnh Thanh Hóa và đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý khoáng sản cho tỉnh nói riêng và cho các địa phương có khoáng sản nói chung. □

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam. 2012.
2. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. Tài nguyên khoáng sản tỉnh Thanh Hóa. Hà Nội. 2005.
3. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2005-2020 và định hướng đến năm 2030. Thanh Hóa. 2005.
4. Các tài liệu thăm dò và báo cáo đánh giá tác động môi trường của các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. 2018.

**Ngày nhận bài:** 15/09/2018

**Ngày gửi phản biện:** 16/10/2018

**Ngày nhận phản biện:** 20/03/2019

**Ngày chấp nhận đăng bài:** 10/04/2019

**Từ khóa:** tài nguyên khoáng sản; bảo vệ môi trường; khai thác khoáng sản; phát triển kinh tế-xã hội; hủy hoại môi trường; quản lý khoáng sản

### **SUMMARY**

Thanh Hóa is potential province in minerals, has power for developing economy and society. However, to exploit all minerals and protect environment effectively, the minerals management should be considered. The paper presents the mineral resources of Thanh Hóa, evaluates status of minerals management of this province, and proposes some solutions to increase the minerals management for Thanh Hóa and other provinces.